

Q. P, ngày 06 tháng 03 năm 2018.

Số: 183/2018/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số 122/2018/TLST/HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2018 về “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, giữa:

- Bà Cao Thị Ngọc Đ, sinh năm 1963.

Địa chỉ: 40 Thạch L, phường Phú T, quận P, Tp. H.

- Ông Nguyễn Thanh G, sinh năm 1959.

Địa chỉ: 40 Thạch L, phường Phú T, quận P, Tp. H.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 02 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 02 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Thanh G và bà Cao Thị Ngọc Đ.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Thanh G và bà Cao Thị Ngọc Đ thuận tình ly hôn. Quan hệ hôn nhân giữa ông G và Đ chấm dứt kể từ ngày Quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Giấy chứng nhận kết hôn số 2775, quyển số 09/1996 ngày 20/12/1996 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh T cấp cho ông bà không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: giữa ông G và bà Đ có ba con chung tên là Nguyễn Cao T1, sinh năm 1987; Nguyễn Cao T2 sinh ngày 21/4/1990; Nguyễn Cao Thùy D, sinh ngày 04/12/1997. Hiện các con chung đều đã trưởng thành, có đủ năng lực và sức khỏe để tự chăm sóc bản thân nên ông, bà không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Về lệ phí: Ông Nguyễn Thanh G và bà Cao Thị Ngọc Đ phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào tạm ứng lệ phí do ông G, bà Đ đã nộp theo biên lai thu số 0010627 ngày 02/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận P.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền. Trường hợp, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2

Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Đường sự;
- TAND TP.H;
- VKSND Q.P;
- THA DS Q. P;
- UBND xã T, huyện L, tỉnh T.
- Lưu hồ sơ. (Mai H).

Phạm Thị Thu H